|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
| Số: 275/TTr-UBND |  *Sa Thầy, ngày 04 tháng 12 năm 2017* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân;**

**dân số - kế hoạch hóa gia đình; phòng, chống dịch bệnh**

**trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016 - 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ 5.

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt qui hoạch phát triển mạng lưới khám chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 92/2013/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Kết luận số 119-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị Quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về tiếp tục thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-BYT ngày 01/3/2016 của Bộ Y tế về bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Nghị quyết số 01/2010/NQ- HĐND ngày 5/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND, ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh Kon Tum khóa X, kỳ họp thứ 3 về việc Quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ- UBND ngày 09/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 891/QĐ-UBND, ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”; Quyết định số 468/QĐ-UBND, ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch hành động giai đoạn 2016-2020 tỉnh Kon Tum thực hiện chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 15/2016/QĐ- UBND ngày 13/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2011-2020;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XII, nhiệm kỳ 2016-2021; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Sa Thầy lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-SYT ngày 09/1/2017 của Sở Y tế về Kế hoạch hoạt động phòng chống sốt xuất huyết Dengue giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 617/KH-SYT ngày 17/3/2017 của Sở Y tế về Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum đến năm 2020,

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ 5 nhiệm kỳ 2016-2021 xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số - kế hoạch hóa gia đình; phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020, với các nội dung chủ yếu sau:

**I. Mục tiêu**

**1. Mục tiêu chung**

- Củng cố hệ thống Y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh từ huyện đến xã, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, các đối tượng chính sách được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ. Đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

- Giảm tỉ lệ mắc bệnh, giảm tử vong, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng giống nòi và cải thiện chất lượng cuộc sống.

- Quản lý tốt các cơ sở hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục duy trì xu thế giảm sinh, nhằm đạt mức sinh thay thế vào năm 2020 để qui mô dân số phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện; cải thiện tình trạng sức khỏe của bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi, góp phần nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh không để dịch xảy ra trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

***2.1. Quản lý nhà nước về hành nghề y dược***

- 100% cơ sở hành nghề y dược trên địa bàn toàn huyện được quản lý tốt.

- Đảm bảo 100% cơ sở có đủ điều kiện hành nghề theo quy định.

***2.2. Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân***

*\* Nhân lực:*

- Tỷ lệ bác sỹ trên một vạn dân từ 11-12 người.

- 100% Trạm y tế xã có bác sỹ, nhân lực cán bộ y tế xã đủ số lượng từ 04 đến 06 cán bộ y tế, cơ cấu hợp lý.

- 100% thôn, làng có nhân viên y tế thôn làng hoạt động, được đào tạo chuyên môn từ 06 tháng trở lên.

- Có đầy đủ nhân lực cho các chuyên khoa đặc biệt là các chuyên khoa lẻ.

*\* Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị:*

- 100% cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất.

 - 100% các Trạm Y tế xã, Thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020.

- Nâng giường bệnh ở bệnh viện đa khoa huyện từ 60 giường lên 80 giường bệnh. Thành lập được cơ bản các khoa lâm sàng và chuyên khoa tại Trung tâm huyện. Triển khai hiệu quả phòng mổ, gây mê hồi sức, dinh dưỡng chế tiết và thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện vào năm 2020.

- 100% cơ sở y tế được cung cấp đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Y tế.

*\* Thuốc, vật tư y tế:*

- 95% thuốc sử dụng là thuốc nội, đảm bảo chất lượng giá cả phù hợp;

- Cung cấp 100% nhu cầu thuốc khám chữa bệnh của nhân dân.

*\* Dịch vụ khám chữa bệnh:*

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% dân số.

- Tăng cường chất lượng khám chữa bệnh của tuyến xã, thị trấn phòng khám khu vực nhằm đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

- Thực hiện được 85% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế.

***2.3. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình***

- Quy mô dân số đạt khoảng 50.900 người.

***-*** Tiếp tục xu thế giảm sinh, trung bình mỗi năm giảm 0,3-0,4‰.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,45%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 15%.

***-*** Từng bước góp phần nâng cao chất lượng dân số.

***-*** Nâng cao sức khỏe bà mẹ và trẻ em; giảm bệnh tật và tử vong ở trẻ em; giảm tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản.

***-*** Đáp ứng đầy đủ nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của người dân.

***-*** Giảm nhiễm khuẩn đường sinh sản, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục; chủ động phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản.

***-*** Cải thiện sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên và thanh niên.

*2.4. Công tác phòng chống dịch*

 Luôn chủ động giám sát dịch bệnh, không để dịch xảy ra. Một số chỉ tiêu về chuyên môn cụ thể:

*- Tiêm chủng:* Duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm phòng đầy đủ 7 loại vắc xin phấn đấu đạt 98,5% vào năm 2020.

*- Phòng chống HIV/AIDS:* Khống chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS dưới 0,3% dân số và giảm dần số người nhiễm mới, 100% số người bị nhiễm HIV/AIDS có tên và địa chỉ được quản lý, chăm sóc và điều trị thích hợp vào năm 2020.

*- Phòng chống sốt xuất huyết:* Giảm tỷ lệ mắc, không để dịch sốt xuất huyết lớn xảy ra.

*- Phòng chống sốt rét và bệnh ký sinh trùng:* Không để dịch sốt rét xảy ra, hàng năm, giảm 10% số người mắc sốt rét và không để xảy ra tử vong, 100% số xã, phường triển khai chương trình phòng chống bệnh giun, sán.

*- Phòng chống lao:* Giảm tỷ lệ mắc lao mới hàng năm, tỷ lệ bệnh nhân lao được điều trị khỏi là 99% năm 2020. 100% bệnh nhân lao được quản lý tại cộng đồng.

*- Phòng chống SDD trẻ em*: Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi *(cân nặng/tuổi)* dưới 16%.

*- Bảo vệ bà mẹ trẻ em, CSSKSS*: Tăng cường công tác quản lý thai sản, giảm tỷ suất chết mẹ và tử vong trẻ em dưới 1 tuổi, dưới 5 tuổi. Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai 3 lần trở lên trong thai kỳ đạt trên 95% năm 2020; 100% phụ nữ có thai được uống viên sắt phòng thiếu máu; tỷ lệ sản phụ được chăm sóc sau sinh đạt trên 80% năm 2020.

*- Nước sạch, vệ sinh môi trường*: Đến năm 2020, có trên 90% số hộ gia đình có nhà xí, nhà tắm, chuồng trại hợp vệ sinh; 96% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

*- Y tế học đường:* 100% số trường triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe học sinh như chương trình nha học đường, mắt học đường, phòng chống tai nạn thương tích, gù vẹo cột sống, đảm bảo vệ sinh học đường, nước uống.

**II. Giải pháp thực hiện**

**1. Công tác quản lý nhà nước về hành nghề y dược**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền; nâng cao nhận thức cộng đồng trong lựa chọn và sử dụng các dịch vụ do các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập cung ứng đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả.

- Tập huấn và tổ chức triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực y, dược mới ban hành đến các cơ sở hành nghề thuộc địa bàn quản lý.

- Phổ biến các tài liệu chuyên môn về các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp, các bệnh truyền nhiễm, các phác đồ cấp cứu, các thông tin về thuốc do Bộ Y tế ban hành tới chủ các cơ sở hành nghề y, dược. Triển khai các lớp đào tạo liên tục cập nhật kiến thức cho người đang hành nghề khám chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập theo phân cấp quản lý và quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoặc cố tình vi phạm theo quy định pháp luật.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc chế độ thống kê y tế áp dụng đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.

- Quản lý chặt chẽ sự thay đổi về nhân sự các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập theo quy định của pháp luật.

**2. Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân**

- Đầu tư, mở rộng cơ sở vật chất, quy mô giường bệnh tuyến huyện để đáp ứng nhu cầu khám bệnh của nhân dân. Từng bước thành lập và nâng cấp các chuyên khoa như chuyên ngoại, sản, gây mê hồi sức, liên khoa tai mũi họng- răng hàm mặt, và các chuyên khoa lẻ khác để từng bước đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong tình hình mới.

- Tiếp tục thực hiện tốt đề án 1816, sắp xếp lại nhân lực, thực hiện việc luân chuyển cán bộ cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ đuợc giao. Xây dựng kế hoạch hàng năm để nâng cao chất lượng nguồn lực; Đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu cho từng đơn vị, bộ phận; tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức. Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao y đức, giao tiếp văn hoá nơi công sở, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ người bệnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm các hành vi, vi phạm pháp luật về khám chữa bệnh, y đức.

- Từng bước áp dụng khoa học kỹ thuật y học vào phòng bệnh, khám chữa bệnh, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị được đầu tư nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Đối với công tác dược và trang thiết bị y tế: Phân phối, cung ứng thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư y tế tiêu hao đầy đủ cho các cơ sở điều trị, đảm bảo chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá thành hạ. Tăng cường kiểm tra quy chế dược, bảo đảm không có thuốc kém chất lượng hay thuốc hết hạn ở kho hay tủ thuốc.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai trạm đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011- 2020. Tăng cường kiểm tra, giám sát Trạm Y tế xã, thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia, có kế hoạch đầu tư, hướng dẫn các trạm y tế thực hiện bộ tiêu chí.

3. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về công tác DS và SKSS, triển khai thực hiện công tác DS và SKSS lồng ghép với chương trình phát triển kinh tế - xã hội; huy động sự tham gia của toàn xã hội và thực hiện tốt các mục tiêu về DS và SKSS.

#### - Hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác DS và SKSS các cấp đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý công tác DS và SKSS.

- Tăng cường các biện pháp truyền thông chuyển đổi hành viphù hợp với từng nhóm đối tượng, phong tục tập quán của từng địa phương đảm bảo phù hợp với quy mô và chất lượng dân số. Duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình, mô hình, tin, bài về DS-KHHGĐ, tăng thời lượng các chương trình, tin, bài về SKSS, SKTD và bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các dịch vụ chăm sóc SKSS ở tất cả các cơ sở trong hệ thống y tế nhà nước từ tuyến huyện đến xã, đầy đủ các nội dung, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người dân. Đảm bảo đầu tư ngân sách và cung ứng đầy đủ thuốc có chất lượng theo danh mục chuẩn quốc gia về chăm sóc SKSS

### *-* Huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, cá nhân, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp vào công tác DS và SKSS. Phát huy vai trò và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, tổ chức quần chúng trong việc thực hiện và giám sát các hoạt động dịch vụ.

**4. Đối với công tác phòng, chống dịch**

 -Tăng cường các hoạt động phòng chống dịch trên địa bàn huyện đặc biệt về dịch tễ có nguy cơ lây nhiễm như sốt rét, sốt xuất huyết, lao. Sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính hợp pháp khác đặc biệt là nguồn viện trợ của các tổ chức quốc tế.

**-** Ưu tiên tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng bác sĩ chuyên khoa và đào tạo sau đại học cho số bác sĩ đang công tác trong hệ dự phòng. Bồi dưỡng kiến thức y tế cộng đồng cho đội ngũ CBYT xã và NVYT thôn làng.

**-** Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và ứng dụng các tiến bộ khoa học trong lĩnh vực y tế như lĩnh vực y học kỹ thuật cao, y học lâm sang, y tế cộng đồng, quản lý y tế.

**-** Ứng dụng công nghệ thông tin để củng cố hệ thống báo cáo, giám sát và hiện đại hóa hệ thống quản lý số liệu thống kê, dự báo dịch bệnh, cung cấp các trang thiết bị giám sát và phát hiện dịch bệnh .

- Tăng cường triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu y tế quốc gia phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm, HIV/AIDS, Chương trình mục tiêu quốc gia ATVSTP; chương trình CSSKSS…

- Tăng cường các hoạt động sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, tổ chức giám sát môi trường lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, đề xuất các biện pháp xử lý các chất thải gây ô nhiễm môi trường, gây hại cho sức khỏe nhân dân.

- Đẩy mạnh các hoạt động y tế trường học, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho học sinh; triển khai xây dựng các mô hình thí điểm cạn thiệp phòng chống bệnh tật học đường; tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ y tế học đường; tăng cường công tác kiểm tra y tế trường học trên địa bàn tỉnh nhằm sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ y tế học đường...

**III. Kinh phí thực hiện**

**1. Bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân**

- Từ nguồn kinh phí sự nghiệp y tế hàng năm;

- Từ nguồn thu viện phí khám chữa bệnh BHYT, viện phí hàng năm.

2. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Tổng nhu cầu nguồn kinh phí thực hiện từ năm 2018 đến năm 2020: 362.370.000 đồng trong đó:

- Từ nguồn các chương trình mục tiêu y tế - dân số tỉnh cấp: 82.500.000 đồng.

- Từ nguồn kinh phí đề nghị ngân sách huyện hỗ trợ: 279.870.000 đồng.

3. Công tác phòng, chống dịch

Tổng nhu cầu nguồn kinh phí thực hiện từ năm 2018 đến năm 2020: 1.965.240 đồng trong đó:

- Từ nguồn các chương trình mục tiêu y tế dân số: 108.000.000 đồng

- Nguồn ngân sách tỉnh: 1.039.680 đồng;

- Nguồn kinh phí đề nghị ngân sách huyện hỗ trợ: 817.560.000 đồng

*(Có dự thảo Kế hoạch kèm theo)*

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định thông qua tại kỳ họp thứ 5 khóa X, nhiệm kỳ 2016-2021 để Uỷ ban nhân dân huyện tổ chức, triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - TT. HĐND huyện; - Các Ban HĐND;- MTTQVN và các đoàn thể;- Đại biểu HĐND;- Lưu: VT-LT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Y Sâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN**HUYỆN SA THẦY** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc |

**KẾ HOẠCH**

**Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số - kế hoạch hóa gia đình;**

 **phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn huyện Sa Thầy**

**giai đoạn 2016 - 2020**

**Phần thứ nhất**

**THỰC TRẠNG Y TẾ HUYỆN SA THẦY TỪ NĂM 2015 ĐẾN NAY**

Trong những năm qua, công tác về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện đã được các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở, tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đã đạt được những kết quả quan trọng. Phần lớn các chỉ tiêu tổng quát về sức khoẻ đã có phần cải thiện một cách đáng kể: Các bệnh dịch nguy hiểm đã được phát hiện, khống chế, đẩy lùi kịp thời và không để lan rộng; các cơ sở y tế từng bước được đầu tư, nâng cấp; cải thiện tình trạng thiếu hụt giường bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh; nhiều trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại đã được ứng dụng thành công; chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao; chính sách bảo hiểm y tế (BHYT) đã được thực hiện tốt hơn. Mức độ thụ hưởng các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe của nhân dân đã tăng lên rõ rệt.

### I. Đánh giá tình hình thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số, kế hoạch hóa gia đình; phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2015 đến nay

### 1. Các chỉ số sức khỏe

Các chỉ số về sức khỏe đã được cải thiện đáng kể qua từng năm, cụ thể như sau:

- Tỷ suất chết trẻ dưới 1 tuổi giảm từ 15*‰* năm 2015 xuống 9,3*‰* năm 2016 và 4,6*‰* ở thời điểm tháng 7 năm 2017.

- Tỷ suất chết trẻ dưới 5 tuổi giảm từ trên 16‰ năm 2015 xuống 9,3‰ năm 2016 và 1,93*‰* ở thời điểm tháng 7 năm 2017.

- Tỷ suất tử vong mẹ giảm từ năm 2015 đến nay duy trì tốt ở mức 0.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD *(thể cân nặng/tuổi)* giảm từ 24,43% năm 2015 xuống còn 17,56 % năm 2016 và 17,4% ở thời điểm tháng 7 năm 2017.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 16.9‰ năm 2015 xuống còn 14.3 ‰, giảm so với năm 2015 là 2.6‰.

- Năm 2016, tỷ số giới tính khi sinh là 105 bé trai/100 bé gái. Số con trung bình của một phụ nữ là 2.05 con.

- Công tác điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân, cung ứng các dịch vụ DS-SKSS và phòng chống dịch bệnh đã có nhiều chuyển biến đáng kể.

**2. Công tác quản lý nhà nước về y tế**

- Hệ thống y tế huyện ngày càng được củng cố, hoàn thiện theo hướng vừa phổ cập vừa chuyên sâu. Cơ sở vật chất, việc mua sắm trang thiết bị kỹ thuật cao từng bước được ngành đầu tư và nâng cấp, cùng với việc triển khai các loại hình dịch vụ y tế từ Trung tâm Y tế huyện đến Trạm Y tế các xã, thị trấn, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế. Đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến cơ sở không ngừng được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Hệ thống Y tế huyện từng bước đổi mới, sắp xếp lại về cơ cấu tổ chức và biên chế theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối([[1]](#footnote-2)).

- Từng bước thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về y tế, bao gồm các cơ sở y tế công lập và các cơ sở y tế tư nhân([[2]](#footnote-3)). Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn toàn huyện được tăng cường([[3]](#footnote-4)). Nhìn chung, các cơ sở đều đã tuân thủ đầy đủ các quy định về khám chữa bệnh và cung ứng thuốc theo quy định của pháp luật. Dự báo số cơ sở hành nghề y dược tư nhân sẽ ngày càng tăng. Hệ thống y tế tư nhân cùng với y tế nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân trên địa bàn.

- Công tác củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo DS-KHHGĐ huyện được quan tâm, đã xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; chỉ đạo các địa phương đưa các chỉ tiêu về DS-KHHGĐ vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm. Nâng cao trách nhiệm của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đối với việc hoàn thành chỉ tiêu DS-KHHGĐ của địa phương, đơn vị.

- Hoạt động Y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện ngày càng được quan tâm, hiệu quả, góp phần khống chế nhiều loại dịch bệnh nguy hiểm, đặc biệt là các loại dịch bệnh có nguy cơ bùng phát cao và nguy hiểm. Từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã trích từ nguồn ngân sách huyện 176.340.000 đồng để hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch bệnh. Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế góp phần giảm tốc độ lây lan nhiều bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm; tốc độ lây nhiễm HIV giảm; tỷ lệ tiêm chủng trẻ em hàng năm đạt trên 97%, phòng ngừa hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở trẻ em.

- Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện năm 2017 đạt 96,89%, thực hiện tốt việc cấp thẻ và khám chữa bệnh cho đối tượng người nghèo, cận nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi.

- Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe được chú trọng và phát huy hiệu quả, nhận thức của cộng đồng về sức khỏe và bệnh tật được nâng lên, ý thức và hành vi của nhân dân trong việc bảo vệ sức khỏe, phòng chống dịch bệnh có nhiều chuyển biến tích cực.

**3. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân**

 ***3.1. Những kết quả đạt được***

- Duy trì tốt công tác khám chữa bệnh ở tất cả các tuyến từ Trung tâm y tế huyện đến phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế các xã, thị trấn.

 - Đảm bảo đủ thuốc, vật tư y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Trong khám và điều trị không để xảy ra sai sót chuyên môn.

- Đa số đạt chỉ tiêu kế hoạch giao, tổ chức tốt công tác thường trực cấp cứu tại các cơ sở y tế, một số chỉ tiêu kế hoạch đạt được như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỈ TIÊU** | **ĐVT** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **9 tháng đầu năm 2017** |
| **Thực hiện** | **Tỉ lệ % KHN** | **Thực hiện** | **Tỉ lệ % KHN** | **Thực hiện** | **Tỉ lệ % KHN** |
| **1** | **Trung tâm y tế huyện** |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Số lần khám | Lần | 18.804 | 134 | 24.464 | 163 | 21.456 | 107,2 |
| - | BN điều trị nội trú | Lần | 3.530 | 126 | 3.776 | 130,2 | 2.974 | 87,4 |
| - | Ngày điều trị | Lần | 22.909 |  | 24.582 |  | 20.634 |  |
| - | Công suất sử dụng GB | % | 104,6 | 126 | 112,2 | 135,1 | 127,3 | 127,3 |
| - | Xét nghiệm | Lần | 29.480 | 173 | 34.206 | 171 | 27.836 | 111,3 |
| - | X quang | Lần | 2.913 | 171.3 | 3.718 | 185,9 | 4.908 | 196,3 |
| - | Siêu âm | Lần | 2.701 | 135 | 4.955 | 247,7 | 5.166 | 172,2 |
| **2** | **PK Đa khoa khu vực** |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Số lần khám | Lần | 11.350 | 87,3 | 9.328 | 93,2 | 6.970 | 77,4 |
| - | BN điều trị nội trú | Lần | 818 | 74,3 | 587 | 65,2 | 180 | 25,7 |
| - | Ngày điều trị | Ngày | 4.688 |  | 3.416 |  | 689 |  |
| - | Công suất sử dụng GB | % | 64,2 | 128,4 | 47,4 | 79,0 | 12,7 | 21,1 |
| **3** | **Trạm y tế xã, thị trấn** |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Số lần khám | Lần | 37.544 |  | 27.855 | 75,2 | 21.867 | 72,8 |

***3.2. Khó khăn, tồn tại***

- Công tác khám chữa bệnh tại các Trạm Y tế xã, thị trấn, phòng khám còn thấp, một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch cấp trên giao. Nguyên nhân do chế độ thông tuyến, nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng cao, người dân muốn chuyển tuyến cao hơn. Trình độ một số cán bộ y tế còn hạn chế.

- Ở tuyến huyện lượng bệnh nhân khám và điều trị tăng cao, có lúc gây tình trạng quá tải, phải nằm giường ghép. Nhân lực còn thiếu, nhất là các chuyên khoa. Khó khăn hiện nay của trung tâm là thiếu đội ngũ bác sỹ có trình độ tay nghề cao để triển khai các dịch vụ kỹ thuật chuyên môn, đồng thời thiếu nguồn kinh phí để đầu tư mở rộng bệnh viện để giảm tình trạng quá tải.

**4. Công tác phòng chống dịch**

***4.1. Kết quả thực hiện***

*a. Tình hình dịch bệnh*

Hoạt động Y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện ngày càng có hiệu quả. Trong nhiều năm liền, tình hình dịch bệnh được kiểm soát tương đối ổn định, không có dịch lớn xảy ra, tuy nhiên vẫn còn những vụ dịch nhỏ rải rác trên địa bàn huyện như:

- Năm 2015: Tình hình bệnh dịch trên địa bàn huyện ổn định, có 2 vụ ngộ độc nấm với 12 người mắc, trong đó tử vong 1 người, bệnh tay chân miệng có 48 ca mắc điều trị khỏi, sốt xuất huyết 22 ca với 07 ổ dịch. Tổng số lượt điều trị sốt rét 62 ca trong đó số lam có KST (+) là 43 ca. Bệnh nhân lao mới phát hiện 28, trong đó AFB(+) là 21 ca. Số bệnh nhân phong chống tàn phế đư­ợc quản lý 22, số giám sát 14.

- Năm 2016: Không có dịch bệnh lớn xảy ra, chủ động phòng chống dịch bệnh, kiểm tra, giám sát, báo cáo kịp thời. Các bệnh truyền nhiễm mắc nổi cộm: sốt rét 12 bệnh nhân, thủy đậu với 88 ca, tiêu chảy có 1281 ca, sốt xuất huyết 110 ca với 42 ổ dịch ở 10/11 xã, Thị trấn *(trừ Mô Rai),* tổ chức phun hóa chất được 120 lần. Bệnh tay chân miệng mắc 64 ca, lỵ trực trùng 586 ca, viêm gan 16 ca, quai bị 14 ca; Cảm cúm mắc 323 ca. Số bệnh nhân lao quản lý 34 ca trong đó phát hiện bệnh nhân lao mới là 30 ca với AFB dương tính là 18 người, lao ngoài phổi 12 người. Số người ho nghi lao xét nghiệm đờm: 150 người.

 - Năm 2017: Đội y tế dự phòng đã lên kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các xã, thị trấn phòng chống dịch bệnh, thảm họa thiên tai, bão lũ năm 2017. Trong 09 tháng đầu năm có một số bệnh truyền nhiễm mắc nổi cộm: sốt xuất huyết 25 ca với 10 ổ dịch ở 06/11 xã, Thị trấn. Bệnh tay chân miệng mắc 36 ca, lỵ trực trùng 615 ca, quai bị 24 ca, cảm cúm mắc 62, tiêu chảy 1384 ca, thủy đậu với 100 ca. Tổ chức phun hóa chất; 32 lần tại các ổ dịch. Tổng số lượt điều trị sốt rét 11 Số lam có KST (+) 06 Số bệnh nhân được quản lý và điều trị Lao 30. Phát hiện bệnh nhân lao mới 08.

- Bệnh truyền nhiễm ở các năm tăng không đồng nhất. Một số bệnh truyền nhiễm do vi rút có nguy cơ gây dịch số lượng mắc ngày càng cao như bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, thủy đậu...

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số****TT** | **Nhóm bệnh** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **9 tháng đầu năm 2017** |
| **Số****mắc** | **Tỷ lệ mắc/ dân số (%)** | **Số****mắc** | **Tỷ lệ mắc/ dân số (%)** | **Số****mắc** | **Tỷ lệ mắc/ dân số (%)** |
| 1 | Tiêu chảy | 1.445 | 3,01 | 1281 | 3,32 | 1384 | 2,77 |
| 2 | Lỵ trực trùng | 944 | 1,93 | 586 | 1,45 | 615 | 1,23 |
| 3 | Quai bị | 98 | 0,21 | 14 | 0,029 | 24 | 0,048 |
| 4 | Sốt rét | 62 | 0,13 | 12 | 0,058 | 11 | 0,022 |
| 5 | Tay-chân-miệng | 48 | 0,11 | 64 | 0,15 | 36 | 0,072 |
| 5 | Thủy đậu | 43 | 0,089 | 88 | 0,23 | 100 | 0,20 |
| 6 | Viêm gan vi rút | 41 | 0,081 | 16 | 0,033 | 02 | 0,00004 |
| 7 | Sốt xuất huyết | 22 | 0,031 | 110 | 0,23 | 25 | 0,050 |

Nhóm bệnh truyền nhiễm có tỷ lệ mắc cao nhất trong các năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 trên địa bàn huyện Sa Thầy

*b. Các hoạt động triển khai*

- Công tác về phòng chống dịch bệnh được các cấp chính quyền và ngành y tế quan tâm, chủ động triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức như tổ chức lễ phát động chiến dịch diệt lăng quăng/bọ gậy, phòng chống Zika, triển khai các đợt tổng dọn vệ sinh ở khu dân cư, diệt lăng quăng/bọ gậy, phun hóa chất, xử lý ổ dịch phòng chống sốt xuất huyết. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các dịch bệnh nhất là bệnh truyền nhiễm gây dịch.

- Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe được triển khai bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng như: truyền thông trên đài truyền hình, băng rôn, tờ rơi, áp phích, phát thanh qua loa đài tại các xã, thị trấn; tổ chức nói chuyện, truyền thông trực tiếp theo nhóm... nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về phòng chống dịch tại cộng đồng.

- Tổ chức tốt các hoạt động định kỳ và chiến dịch của các chương trình y tế quốc gia như tiêm chủng mở rộng, phòng chống phong, lao.....

***4.2. Tồn tại, khó khăn***

- Một số cấp uỷ, chính quyền xã, thị trấn chưa thực sự quyết tâm vào cuộc cùng với ngành Y tế trong công tác phòng chống dịch bệnh nhất là dịch sốt xuất huyết trên địa bàn huyện.

- Nhân lực phục vụ cho công tác phòng chống dịch còn thiếu, nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động còn hạn hẹp.

 -Chất lượng và hiệu quả của công tác y tế dự phòng (YTDP) trên địa bàn huyện nói chung vẫn còn nhiều hạn chế; người dân sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được tiếp cận nhiều các dịch vụ YTDP.

- Các hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe còn nặng về hình thức, nội dung chưa phong phú, đa dạng; phương thức truyền thông đôi lúc chưa linh hoạt, phù hợp.

 - Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo vệ và nâng cao sức khoẻ, phòng bệnh, phòng dịch chưa cao, chưa chuyển biến thành những hành động thực tiễn.

5. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

*5.1. Những kết quả đạt được*

- Mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình (CSSKSS/KHHGĐ) ngày càng được củng cố và phát triển trong hệ thống y tế từ huyện đến cơ sở. Tại Trung tâm y tế huyện đã có khoa sản, khoa nội nhi thực hiện được các dịch vụ chăm sóc sản khoa và nhi khoa thiết yếu; trung tâm Y tế huyện đã có thể thực hiện mổ đẻ. 100% trạm Y tế các xã, thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi, đồng thời cùng với thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, các Trạm y tế xã, thị trấn cơ bản làm tốt công tác khám, quản lý thai nghén; thực hiện tiêm thuốc tránh thai, các thủ thuật đặt dụng cụ tử cung và đỡ đẻ thường và khám chữa bệnh thông thường cho trẻ em. 100% thôn, làng có nhân viên y tế thôn, làng đã qua đào tạo, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người dân; cán bộ dân số xã và cộng tác viên dân số được tập huấn về kiến thức, kỹ năng và thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn, biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền bằng các hình thức và nhiều nội dung như: tuyên truyền lồng ghép về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh nhằm phát hiện, điều trị sớm các tật, bệnh tật ở bà mẹ và thai nhi; về ý thức chăm sóc thai sản và nâng cao sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Về công tác phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản: Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đi khám viêm nhiễm đường sinh sản ít nhất 01 lần/năm nhằm phát hiện, điều trị kịp thời các bệnh viêm nhiễm ngày càng tăng và có sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức. Kế hoạch thực hiện chiến dịch năm 2016 là 300 ca, đến cuối năm đã có 413 ca tham gia khám phụ khoa, đạt 137.6% Kế hoạch năm. Điều trị bệnh phụ khoa thông thường cho phụ nữ: 43 ca.

- Công tác phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần giảm tỷ lệ thiêú máu do thiếu sắt, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ước thực hiện cuối năm 2017 là 17%, thai nghén phụ nữ có thai được uống viên sắt phòng chống thiếu máu([[4]](#footnote-5)). Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ vắc xin năm 2017 ước đạt 97.2%.

- Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại đạt 53.4% năm 2016, 6 tháng đầu năm 2017 đạt 50.14%. Việc cung ứng các biện pháp tránh thai đảm bảo được đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu.

***5.2. Những hạn chế, bất cập***

- Mức sinh tuy có giảm nhưng chưa vững chắc, tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên có xu hướng tăng do nhận thức của một số người dân còn chưa cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có tôn giáo.

**-** Tỷ lệ giới tính khi sinh *(nam/ nữ)* trên địa bàn huyện vẫn còn chênh lệch, kết quả thực hiện năm 2016 là 105 trẻ em nam/ 100 trẻ em nữ. Tuy nhiên, tỷ lệ chệnh lệch này vẫn còn có xu hướng tiếp tục tăng cao.

 - Hình thức truyền thông vẫn chưa đáp ứng được cho các đối tượng cần tuyên truyền, chưa thực sự phù hợp với phong tục tập quán, ngôn ngữ của đồng bào các dân tộc nên khó thuyết phục người dân, dẫn đến việc khó thay đổi thói quen, hành vi về Kế hoạch hóa gia đình.

 - Kinh phí hỗ trợ cho công tác truyền thông chuyển đổi hành vi về DS-KHHGĐ được phân bổ hạn hẹp chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của địa phương. Việc cung ứng phương tiện tránh thai (PTTT) đôi khi không kịp thời như thuốc tránh thai... do nguồn ngân sách Trung ương chậm phân bổ.

 - Công tác tham mưu, trình độ học vấn của đội ngũ cộng tác viên ở một số xã, thị trấn vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Trong khi đó đội ngũ này đóng vai trò rất quan trọng trong công tác vận động tuyên truyền thực hiện tốt chính sách DS-KHHGĐ và thu thập tin về tình hình biến động dân số từ cơ học đến tự nhiên tại các xã, thị trấn trên địa bàn.

 - Công tác dự phòng và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục, vô sinh còn hạn chế. Bạo lực gia đình, bạo hành giới trong sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục (SKSS/SKTD) vẫn còn xảy ra.

- Chất lượng dân số còn thấp, chậm được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo còn cao *(cuối năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 32,88%)*. Tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tồn tại, gây nguy cơ dị tật bẩm sinh trẻ em, suy giảm chất lượng giống nòi. Phong tục tập quán lạc hậu, bất đồng trong ngôn ngữ là rào cản lớn trong việc triển khai công tác tuyên truyền, tuyền thông KHHGĐ cho người dân.

**Phần thứ hai**

KẾ HOẠCH BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

**I**. **Cơ sở pháp lý**

- Quyết định số 30/2008/QĐ- TTg ngày 22/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt qui hoạch phát triển mạng lưới khám chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

- Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 92/2013/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2013-2020;

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị Quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về tiếp tục thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình;

- Kế hoạch số 139/KH-BYT ngày 01/3/2016 của Bộ Y tế về bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 01/2010/NQ- HĐND ngày 5/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025;

- Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND, ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh Kon Tum khóa X, kỳ họp thứ 3 về việc Quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 09/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-UBND, ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”;

- Quyết định số 468/QĐ-UBND, ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch hành động giai đoạn 2016-2020 tỉnh Kon Tum thực hiện chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2011-2020;

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XII, nhiệm kỳ 2016-2021;

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Sa Thầy lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020;

- Kế hoạch số 59/KH-SYT ngày 09/1/2017 của Sở Y tế về Kế hoạch hoạt động phòng chống sốt xuất huyết Dengue giai đoạn 2017-2020;

- Kế hoạch số 617/KH-SYT ngày 17/3/2017 của Sở Y tế về Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum đến năm 2020.

# II. Dự báo về tình hình dịch bệnh và nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016-2020

**1. Dự báo nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Trên cơ sở các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2015 đến nay. Đồng thời cùng với sự phát triển của KTXH, chất lượng cuộc sống của nhân dân cũng ngày càng được nâng lên, nhu cầu được chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, các chỉ số sức khỏe giai đoạn 2016-2020 của huyện cũng phải đạt ngang mức toàn tỉnh mới có thể đáp ứng nhu cầu phát triển KTXH của huyện.

 **2. Dự báo tình hình dịch bệnh trên địa bàn huyện**

Sa Thầy là một huyện miền núi, có trên 57% là người đồng bào dân tộc thiểu số, cuộc sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Điều kiện tự nhiên không thuận lợi, khí hậu biến đổi phức tạp, biên độ nhiệt độ trong ngày lớn là nguy cơ cho các loại dịch bệnh truyền nhiễm phát triển, nhất là bệnh truyền nhiễm vùng nhiệt đới như sốt rét, sốt xuất huyết, tiêu chảy, bệnh đường hô hấp, quai bị, thuỷ đậu… Việc tiếp cận các dịch vụ y tế đến với người dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa nhiều. Bên cạnh đó, người dân vẫn còn một số phong tục, tập quán lạc hậu dẫn đến các loại dịch bệnh có nguy cơ tăng cao.

Nổi bật trong 03 năm qua *(từ năm 2015 đến nay)* trên địa bàn huyện Sa Thầy là tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết. Mặc dù trong những năm qua, công tác triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh được quan tâm, có hiệu quả nhưng một số dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm khác như thủy đậu, quai bị tại các ổ dịch cũ và bệnh tay - chân - miệng cũng có nguy cơ mắc cao và bùng phát thành dịch, nhất là tại các trường học...

Với dự báo tình hình dịch bệnh nêu trên, đòi hỏi mạng lưới y tế dự phòng huyện giai đoạn tới phải không ngừng củng cố, nâng cao trình độ để tăng cường ở tất cả các tuyến theo hướng chuyên nghiệp và luôn năng động, sẵn sàng ứng phó trong mọi tình huống.

**III. Mục tiêu**

**1. Mục tiêu chung**

Củng cố, hoàn thiện hệ thống y tế đồng bộ từ huyện đến cơ sở theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; nâng cao khả năng đáp ứng của ngành Y tế phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế với mục đích giảm tỷ lệ bệnh tật và di chứng, nâng cao chỉ số về sức khỏe, thể lực, tăng tuổi thọ, ổn định quy mô và nâng cao chất lượng dân số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

***2.1. Quản lý nhà nước về hành nghề y dược***

- 100% cơ sở hành nghề y dược trên địa bàn toàn huyện được quản lý tốt.

- Đảm bảo 100% cơ sở có đủ điều kiện hành nghề theo quy định.

***2.2. Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân***

*\* Nhân lực:*

- Số bác sỹ trên một vạn dân từ 11-12 người.

- 100% Trạm y tế xã có bác sỹ, nhân lực cán bộ y tế xã đủ số lượng từ 04 đến 06 cán bộ y tế, cơ cấu hợp lý.

- 100% thôn, làng có nhân viên y tế thôn làng hoạt động, được đào tạo chuyên môn từ 06 tháng trở lên.

- Có đầy đủ nhân lực cho các chuyên khoa đặc biệt là các chuyên khoa lẻ.

*\* Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị:*

- 100% cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất.

 - 100% các xã, Thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020.

- Nâng giường bệnh ở Trung tâm Y tế huyện từ 60 giường lên 80 giường bệnh. Thành lập được cơ bản các khoa lâm sàng và chuyên khoa tại Trung tâm huyện. Triển khai hiệu quả phòng mổ, gây mê hồi sức, dinh dưỡng chế tiết và thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện vào năm 2020.

- 100% cơ sở y tế được cung cấp đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Y tế.

*\* Dịch vụ khám chữa bệnh:*

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% dân số.

- Tăng cường chất lượng khám chữa bệnh của tuyến xã, thị trấn phòng khám khu vực nhằm đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

- Thực hiện được 85% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế.

*2.3. Công tác phòng chống dịch*

 Luôn chủ động giám sát dịch bệnh, không để dịch xảy ra. Một số chỉ tiêu về chuyên môn cụ thể:

*- Tiêm chủng:* Duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm phòng đầy đủ 7 loại vắc xin phấn đấu đạt 98,5% vào năm 2020.

*- Phòng chống HIV/AIDS:* Khống chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS dưới 0.15% dân số và giảm dần số người nhiễm mới, 100% số người bị nhiễm HIV/AIDS có tên và địa chỉ được quản lý, chăm sóc và điều trị thích hợp vào năm 2020.

*- Phòng chống sốt xuất huyết:* Giảm tỷ lệ mắc, không để dịch sốt xuất huyết lớn xảy ra.

*- Phòng chống sốt rét và bệnh ký sinh trùng:* Không để dịch sốt rét xảy ra, hàng năm, giảm 10% số người mắc sốt rét và không để xảy ra tử vong, 100% số xã, phường triển khai chương trình phòng chống bệnh giun, sán.

*- Phòng chống lao:* Giảm tỷ lệ mắc lao mới hàng năm, tỷ lệ bệnh nhân lao được điều trị khỏi là 99% năm 2020. 100% bệnh nhân lao được quản lý tại cộng đồng.

*- Phòng chống SDD trẻ em*: Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi *(cân nặng/tuổi)* dưới 16%.

*- Bảo vệ bà mẹ trẻ em, CSSKSS*: Tăng cường công tác quản lý thai sản, giảm tỷ suất chết mẹ và tử vong trẻ em dưới 1 tuổi, dưới 5 tuổi. Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai 3 lần trở lên trong thai kỳ đạt trên 95% năm 2020; 100% phụ nữ có thai được uống viên sắt phòng thiếu máu; tỷ lệ sản phụ được chăm sóc sau sinh đạt trên 80% năm 2020.

*- Nước sạch, vệ sinh môi trường*: Đến năm 2020, có trên 90% số hộ gia đình có nhà xí, nhà tắm, chuồng trại hợp vệ sinh; 96% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

*- Y tế học đường:* 100% số trường triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe học sinh như chương trình nha học đường, mắt học đường, phòng chống tai nạn thương tích, gù vẹo cột sống, đảm bảo vệ sinh học đường, nước uống.

***2.4. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình***

- Quy mô dân số đạt khoảng 53.086 người.

***-*** Tiếp tục thực hiện xu thế giảm sinh, trung bình mỗi năm giảm 1‰.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,45%.

- Giảm tỷ lệ người sinh con thứ 3 bình quân 1-2%/năm.

- Tăng tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại hàng năm từ 2-3%/ năm.

- Số Trạm Y tế xã thực hiện tốt các dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình đạt 100% vào năm 2020.

- Trung tâm Y tế thực hiện mổ đẻ, đình sản ở cả nam và nữ đạt 100% vào năm 2020.

 **IV. Giải pháp thực hiện**

**1. Công tác quản lý nhà nước về hành nghề y dược**

*1.1. Thực hiện tốt công tác thông tin, giáo dục, truyền thông*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về y đức, quy tắc ứng xử, quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực y, dược; các văn bản hướng dẫn của các cấp, ngành về công tác quản lý hành nghề y, dược ngoài công lập trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên hệ thống truyền thanh cơ sở và tại các hội nghị, tập huấn. Tuyên truyền trực tiếp thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập để các cơ sở hành nghề nghiêm túc chấp hành. Đồng thời nâng cao nhận thức của cộng đồng trong lựa chọn và sử dụng các dịch vụ do các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập cung ứng đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả.

*1.2. Công tác đào tạo, tập huấn*

- Tập huấn và tổ chức triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực y, dược mới ban hành đến các cơ sở hành nghề thuộc địa bàn quản lý.

- Phổ biến các tài liệu chuyên môn về các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp, các bệnh truyền nhiễm, các phác đồ cấp cứu, các thông tin về thuốc do Bộ Y tế ban hành tới chủ các cơ sở hành nghề y, dược. Triển khai các lớp đào tạo liên tục cập nhật kiến thức cho người đang hành nghề khám chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

- Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ do các cấp, ngành tổ chức.

*1.3. Công tác thanh, kiểm tra và hậu kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật tại các cơ sở hành nghề y dược ngoài công lập*

- Tổ chức kiểm tra công tác quản lý nhà nước về hành nghề y, dược ngoài công lập tại các địa phương, đơn vị. Các hoạt động kiểm tra tập trung vào công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành, xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về quản lý hành nghề y, dược ngoài công lập…

- Thường xuyên tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập theo phân cấp quản lý và quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoặc cố tình vi phạm theo quy định pháp luật.

*1.4. Công tác thống kê, báo cáo*

- Triển khai thực hiện nghiêm túc chế độ thống kê y tế áp dụng đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.

- Quản lý chặt chẽ sự thay đổi về nhân sự các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập theo quy định của pháp luật.

**2. Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân**

*2.1. Cơ sở hạ tầng*

- Đầu tư thêm cơ sở vật chất, mở rộng quy mô giường bệnh tuyến huyện để đáp ứng nhu cầu khám bệnh của nhân dân.

- Từng bước thành lập và nâng cấp các chuyên khoa như chuyên ngoại, sản, gây mê hồi sức, liên khoa tai mũi họng- răng hàm mặt, và các chuyên khoa lẻ khác để từng bước đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong tình hình mới.

*2.2. Nhân lực*

- Đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu cho từng đơn vị, bộ phận;

 - Xây dựng kế hoạch đào tạo từng năm, ưu tiên phát triển các chuyên khoa;

- Đào tạo liên tục, tập huấn, tổ chức cập nhật kiến thức, thực hiện chỉ đạo tuyến;

- Tiếp tục thực hiện tốt đề án 1816, sắp xếp lại nhân lực, thực hiện việc luân chuyển cán bộ cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ đuợc giao. Xây dựng kế hoạch hàng năm để nâng cao chất lượng nguồn lực;

- Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao y đức, giao tiếp văn hoá nơi công sở, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ người bệnh. Học tập nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm các hành vi, vi phạm pháp luật về khám chữa bệnh, y đức.

*2.3. Tăng cường các dịch vụ, kỹ thuật*

 - Đảm bảo thực hiện chuyên môn, kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế ban hành cho một Bệnh viện đa khoa hạng ba. Phát triển và củng cố mạng lưới cấp cứu và vận chuyển bệnh nhân khi có nhu cầu cấp cứu ngoại viện: như thảm hoạ, thiên tai, tai nạn, dịch bệnh xảy ra và chuyển viện.

 - Từng bước áp dụng khoa học kỹ thuật y học vào phòng bệnh, khám chữa bệnh, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị được đầu tư nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân.

 - Xã hội hoá công tác khám chữa bệnh, đa dạng hoá các loại hình khám chữa bệnh.

*2.4. Công tác dược và trang thiết bị y tế*

 - Phân phối, cung ứng thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư y tế tiêu hao đầy đủ cho các cơ sở điều trị, đảm bảo chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá thành hạ.

 - Tăng cường kiểm tra quy chế dược, bảo đảm không có thuốc kém chất lượng hay thuốc hết hạn ở kho hay tủ thuốc.

 - Hàng năm, có kế hoạch dự trù mua trang thiết bị y tế đồng bộ, vật tư y tế tiêu hao phù hợp với nhân lực và sự nghiệp phát triển y tế.

 *2.5. Công tác tài chính và đầu tư*

Quản lý tốt ngân sách nhà nước. Đảm bảo chế độ thu chi đúng quy định, phục vụ cho công tác phòng bệnh, các chương trình Y tế -Dân số cũng như công tác khám và chữa bệnh.

*2.6. Công tác quản lý điều hành*

- Tiếp tục đổi mới cơ chế lãnh đạo, quản lý từ Trung tâm Y tế huyện đến các Trạm Y tế xã, thị trấn theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.

-Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại tuyến xã, phòng khám khu vực. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới Y tế tuyến xã, Thị trấn.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai trạm đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020. Tăng cường kiểm tra, giám sát Trạm Y tế xã, thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia, có kế hoạch đầu tư, hướng dẫn các trạm y tế thực hiện bộ tiêu chí.

**3. Đối với công tác phòng chống dịch**

***3.1. Tăng cường đầu tư cho hệ thống y tế dự phòng***

Tăng cường các hoạt động phòng chống dịch trên địa bàn huyện đặc biệt về dịch tễ có nguy cơ lây nhiễm như sốt rét, sốt xuất huyết, lao. Sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính hợp pháp khác đặc biệt là nguồn viện trợ của các tổ chức quốc tế.

***3.2. Phát triển nguồn nhân lực***

Ưu tiên tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng bác sĩ chuyên khoa và đào tạo sau đại học cho số bác sĩ đang công tác trong hệ dự phòng, đảm bảo có ít nhất từ 1 đến 2 bác sỹ có trình độ CKI hoặc thạc sỹ chuyên ngành y tế công cộng, hoặc được đào tạo chuyên khoa sơ bộ, số còn lại được tập huấn cơ bản chuyên ngành.

Bồi dưỡng kiến thức y tế cộng đồng cho đội ngũ CBYT xã và NVYT thôn làng.

***3.3. Phát triển khoa học và công nghệ***

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và ứng dụng các tiến bộ khoa học trong lĩnh vực y tế như lĩnh vực y học kỹ thuật cao, y học lâm sang, y tế cộng đồng, quản lý y tế.

***3.4. Củng cố hệ thống cảnh báo dịch***

Đẩy mạnh các hoạt động giám sát, phát hiện sớm các bệnh mới phát sinh, tổ chức dập dịch kịp thời. Ứng dụng công nghệ thông tin để củng cố hệ thống báo cáo, giám sát và hiện đại hóa hệ thống quản lý số liệu thống kê, dự báo dịch bệnh, cung cấp các trang thiết bị giám sát và phát hiện dịch bệnh .

***3.5.******Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế đã và đang triển khai trên địa bàn***

Tăng cường triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu y tế quốc gia phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm, HIV/AIDS, Chương trình mục tiêu quốc gia ATVSTP; chương trình CSSKSS; các chương trình phòng chống các bệnh không lây *(như tim mạch, cao huyết áp, ung thư, đái tháo đường…)*; chương trình kết hợp quân dân y, củng cố các TYT quân dân y, phát triển thêm c tác trạm mới tại các huyện, các xã vùng sâu, vùng biên giới; chương trình xây dựng Làng sức khỏe trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tại các thôn, làng.

Tăng cường các hoạt động sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, tổ chức giám sát môi trường lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, đề xuất các biện pháp xử lý các chất thải gây ô nhiễm môi trường, gây hại cho sức khỏe nhân dân *(như chất thải công nghiệp, chất thải y tế, hóa chất bảo vệ thực vật...)*.

Đẩy mạnh các hoạt động y tế trường học, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho học sinh, phát hiện và có biện pháp khắc phục làm giảm tỷ lệ các bệnh răng miệng, cong vẹo cột sống, tật khúc xạ về mắt và vệ sinh học đường; triển khai xây dựng các mô hình thí điểm cạn thiệp phòng chống bệnh tật học đường. Phối hợp với ngành Giáo dục - Đào tạo kiện toàn mạng lưới y tế trường học trong các nhà trường; tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ y tế học đường; tăng cường công tác kiểm tra y tế trường học trên địa bàn tỉnh nhằm sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ y tế học đường.

***3.6. Xây dựng kế hoạch***

Chủ động xây dựng các kế hoạch và phương án phòng chống, khắc phục nhanh chóng các thảm họa, thiên tai, tai nạn thương tích...

***3.7. Công tác truyền thông***

Đẩy mạnh công tác TT-GDSK, đổi mới nhận thức, bổ sung kiến thức để mọi người chủ động phòng chống bệnh tật, chú trọng vào các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

***3.8. Đảm bảo nguồn kinh phí***

Chủ động nguồn kinh phí cho công tác dự phòng và chống dịch. Chính sách, chế độ ưu đãi đối với cán bộ làm công tác YTDP nói chung, chế độ phụ cấp phòng chống dịch, phụ cấp làm việc trong môi trường độc hại, vùng sâu, vùng xa.

4. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

***4.1. Công tác lãnh đạo, tổ chức và quản lý***

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về công tác DS và SKSS, triển khai thực hiện công tác DS và SKSS lồng ghép với chương trình phát triển kinh tế - xã hội; huy động sự tham gia của toàn xã hội và thực hiện tốt các mục tiêu về DS và SKSS.

#### - Hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác DS và SKSS các cấp đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý công tác DS và SKSS.

### *4.2. Tổ chức triển khai hoạt động*

- Tăng cường các biện pháp truyền thông chuyển đổi hành viphù hợp với từng nhóm đối tượng, phong tục tập quán của từng địa phương đảm bảo phù hợp với quy mô và chất lượng dân số. Duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình, mô hình, tin, bài về DS-KHHGĐ, tăng thời lượng các chương trình, tin, bài về SKSS, SKTD và bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các dịch vụ chăm sóc SKSS ở tất cả các cơ sở trong hệ thống y tế nhà nước từ tuyến huyện đến xã, đầy đủ các nội dung, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người dân([[5]](#footnote-6)). Đảm bảo đầu tư ngân sách và cung ứng đầy đủ thuốc có chất lượng theo danh mục chuẩn quốc gia về chăm sóc SKSS

### *-* Huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, cá nhân, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp vào công tác DS và SKSS. Phát huy vai trò và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, tổ chức quần chúng trong việc thực hiện và giám sát các hoạt động dịch vụ.

**V. Kinh phí thực hiện**

Ngân sách huyện hỗ trợ hàng năm 50 triệu đồng từ nguồn kinh phí khác để hỗ trợ cho công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và lồng ghép các nguồn kinh phí khác để thực hiện kế hoạch.

VI. Tổ chức thực hiện

**1. Phòng Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế huyện và các cơ quan, ban ngành đoàn thể liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh giai đoạn 2016 – 2021; theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và định kỳ hàng năm; thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham mưu giúp UBND huyện đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về y tế; các hoạt động tuyên truyền và quản lý thực hiện chính sách dân số - KHHGĐ, về thực hiện pháp luật hành nghề y, dược; chỉ đạo UBND xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan phối hợp với Phòng Y tế quản lý chặt chẽ các cơ sở hành nghề; tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành theo định kỳ hoặc đột xuất.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của huyện triển khai các hoạt động có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về chăm sóc sức khỏe nhân dân, về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, về hành nghề y, dược, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

- Tham mưu xây dựng kinh phí đảm bảo thực hiện Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh hàng năm.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trình UBND huyện, Sở Y tế theo quy định.

**2. Trung tâm Y tế huyện**

- Phối hợp với Phòng Y tế và các đơn vị, các ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch thực hiện các mục tiêu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh hàng năm.

- Căn cứ các nhóm dịch bệnh theo mùa, dịch bệnh bùng phát đột xuất chủ động xây dựng Kế hoạch cụ thể, chi tiết báo cáo UBND huyện *(qua Phòng Y tế)* để kịp thời chỉ đạo. Chỉ đạo Trạm Y tế các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch phòng chống dịch bệnh hàng năm.

- Tiếp nhận và cấp phát tại liệu tuyên truyền cho các cơ quan tuyên truyền của huyện và Trạm Y tế các xã, thị trấn kịp thời.

- Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát các Trạm Y tế trong công tác khám chữa bệnh và cấp phát thuốc.

- Triển khai các biện pháp phòng, chống dịch: tuyên truyền, giám sát dịch tễ, điều tra xác minh các ca bệnh nghi ngờ, ca bệnh xác định, cách ly, điều trị kịp thời, đồng thời áp dụng các biện pháp xử lý ổ dịch, không để lay lan thành dịch.

- Chuẩn bị đủ nhân lực, thuốc, hóa chất, vật tư sẵn sàng trong công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung về công tác chuyên môn trên địa bàn huyện; thông tin, báo cáo kịp thời mọi diễn biến của ca bệnh, các loại dịch bệnh với Lãnh đạo các cấp, tham mưu kịp thời để có giải pháp xử lý hiệu quả.

- Thường trực 24/24 giờ, chuẩn bị đầy đủ phương tiện, thuốc, vật tư nhân lực sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu và điều trị bệnh nhân kịp thời.

**3. Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình**

- Phối hợp với Phòng Y tế và các đơn vị, các ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các xã, thị trấn xây dựng Chương trình hành động thực hiện các mục tiêu hàng năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ; hướng dẫn, phối hợp kiểm tra giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện chương trình hành động theo định kỳ hàng năm để báo cáo UBND huyện.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành ,đoàn thể liên quan đánh giá thực trạng chất lượng dân số của huyện; Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa - Thông tin, Thể thao và Du lịch, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện và các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác DS và SKSS.

- Phối hợp các cơ quan truyền thông đại chúng có kế hoạch thực hiện tuyên truyền thường xuyên trên sóng truyền thanh - Truyền hình huyện… về các hoạt động của chương trình.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện công tác dân số và định kỳ báo cáo UBND huyện *(qua Phòng Y tế)* và Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh theo quy định.

**4. Phòng Tài chính – Kế hoạch**

Tham mưu UBND huyện trong việc cân đối vốn đầu tư hàng năm từ ngân sách huyện cho ngành Y tế thực hiện Kế hoạch theo giai đoạn; phối hợp ngành Y tế bố trí đảm bảo nguồn vốn chi hoạt động thường xuyên và thực hiện Kế hoạch theo tiến độ hàng năm.

**5. Phòng Giáo dục – Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế để thực hiện các nội dung về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trong nhà trường; kiện toàn hệ thống y tế trường học, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học; triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe cho học sinh, thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, nhất là các loại dịch bệnh có nguy cơ lây lan cao.

Triển khai có hiệu quả hoạt động giáo dục về DS và CSSKSS, giới tính cho học sinh ở các trường phổ thông, trường trung học chuyên nghiệp.

**6. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Phòng Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện an sinh xã hội, đảm bảo chính sách cho các đối tượng dễ bị tổn thương *(người nghèo, cận nghèo, người già, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội…).*

**7. Phòng Tài nguyên - Môi trường**

Chủ trì phối hợp với Phòng Y tế giám sát thực hiện các quy định về bảo vệ và phòng chống ô nhiễm môi trường nhằm ngăn chặn nguy cơ gây bệnh tật.

**8. Ban Chỉ huy quân sự huyện**

Phối hợp với ngành Y tế thực hiện có hiệu quả công tác kết hợp quân dân y trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh và bộ đội trên địa bàn huyện góp phần củng cố an ninh, quốc phòng tại mỗi địa phương trên địa bàn huyện.

**9. Công an huyện**

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan tăng cường đấu tranh, kiểm tra phát hiện và xử lý các cơ sở vi phạm pháp luật trong việc khám chữa bệnh và thực hiện các chính sách về dân số, sức khỏe nhân dân.

**10. Phòng Dân tộc**

Phối hợp với các đơn vị liên quan làm tốt công tác tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nâng cao nhận thức trong công tác dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe.

**11. Bảo hiểm xã hội**

Phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Luật BHYT trên địa bàn huyện, đảm bảo các quyền lợi về chế độ, chính sách về BHYT, KCB BHYT đối với người dân, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số.

**12. Các cơ quan, đơn vị liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để xây dựng kế hoạch hoạt động lồng ghép nội dung bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh vào hoạt động của đơn vị; định kỳ thông tin, báo cáo về Phòng Y tế để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

**13. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

Căn cứ Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình của huyện, chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động ở địa phương; tạo điều kiện cho các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập phát triển.

**14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức chính trị - xã hội**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và huy động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, về dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh./.

1. () Trước đây hệ thống y tế huyện gồm 3 đơn vị (Phòng Y tế, TTYT, và Trung tâm DS-KHHGĐ). Trong đó, Phòng Y tế trực thuộc UBND huyện, TTYT trực thuộc Sở Y tế; Trung tâm ATVSTP trực thuộc Chi cục ATVSTP tỉnh và Trung tâm DS-KHHGĐ trực thuộc Chi cục DS-KHHGĐ. Đến tháng 10/2017 Trung tâm ATTP huyện đã được tổ chức sáp nhập về Trung tâm Y tế huyện thành khoa An toàn thực phẩm, Y tế công cộng và Dinh dưỡng theo Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, [↑](#footnote-ref-2)
2. () Hiện nay, hệ thống y tế công lập của huyện gồm 01 Trung tâm Y tế huyện và 11 Trạm Y tế đóng chân tại 11 xã, thị trấn, trong đó có 7/11 xã đạt các tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã . Trên địa bàn có 32 cơ sở hành nghề y dược tư nhân; trong đó có 8 cơ sở hành nghề y và 24 cơ sở hành nghề dược tư nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện hành nghề [↑](#footnote-ref-3)
3. () Định kỳ kiểm tra 2 đợt/ năm, không kể các đợt kiểm tra, thanh tra đột xuất nhằm phát hiện, xử lý và chấn chỉnh các sai phạm và hướng dẫn cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nhân lực, cơ sở vật chất và nâng cao chuyên môn để làm tốt công tác khám chữa bệnh và cấp thuốc phục vụ nhân dân trên địa bàn. [↑](#footnote-ref-4)
4. () Năm 2016 là 99%, 6 tháng đầu năm 2017 là 97% (đợt 1); trẻ từ trên 6 tháng tuổi đến 60 tháng tuổi được uống vitamin A hai lần/năm. [↑](#footnote-ref-5)
5. () Gồm các nội dung về Kế hoạch hóa gia đình; bảo đảm cung cấp dịch vụ chăm sóc các bà mẹ trước, trong và sau sinh, chăm sóc trẻ sơ sinh và trẻ em; phấn đấu 100% thôn, làng có nhân viên y tế được đào tạo về SKSS hoặc cô đỡ thôn, làng; dự phòng và điều trị các nhiễm khuẩn đường sinh sản, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS; phát hiện và điều trị sớm các bệnh ung thư đường sinh sản; chăm sóc sức khoẻ sinh sản cho vị thành niên. [↑](#footnote-ref-6)